TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ - PT
Ngày 18- 07- 2022
V/v "Ly hôn và chia tài sản chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Trưởng

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn San và ông Nguyễn Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Hiển Tiến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2022 và ngày 18 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2022/TLPT- HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2022 về việc "*Ly hôn và chia tài sản chung khi ly hôn*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2022/HNGĐ-ST ngày 23 - 3- 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 07/2022/QĐPT - DS ngày 23/6/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Đăng Kh, sinh năm 1975. Có mặt.

Địa chỉ cư trú: Số nhà 19, đường Q, tổ 8, phường M. Kh, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1979. Có mặt.

Địa chỉ cư trú: Số nhà 19, đường Q, tổ 8, phường M. Kh, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Đặng Ngọc Thanh- Luật sư thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Trần Văn T, sinh năm 1946 và bà Vũ Thị B, sinh năm 1947 (vợ ông T), bà B là người đại diện theo ủy quyền cho ông Trần Văn T. Địa chỉ cư trú: Số nhà 19, đường Q, tổ 8, phường M. Kh, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Bà B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Thu H là bị đơn trong vụ án. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về quan hệ hôn nhân:

Anh Trần Đăng Kh và chị Nguyễn Thị Thu H kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 14 tháng 12 năm 2000 tại UBND phường Minh Khai, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Sau kết hôn, vợ chồng sống chung cùng gia đình anh Kh, đến cuối năm 2004 thì ra ở riêng. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do cách sống, quan điểm sống của hai bên không hợp nhau, từ đó vợ chồng hay xích mích, cãi nhau, nhiều lần mâu thuẫn căng thẳng vợ chồng có đánh nhau.

Ngoài ra anh Kh cho rằng chị H có mối quan hệ không trong sáng để ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình. Gia đình hai bên đã hòa giải nhiều lần nH không được. Mâu thuẫn trầm trọng kéo dài không thể hàn gắn được nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2021 đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu H.

Chị H cũng thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn một phần do cách sống và quan điểm sống của hai bên không hợp nhau. Sau khi chị sinh con thứ hai thì vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn do anh Kh không quan T chăm sóc đến vợ con, gia đình. Khi căn nhà bị cháy thì gia đình chị chuyển về nhà bố mẹ đẻ anh Kh sinh sống. Quá trình sống chung với gia đình chồng thì mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng căng thẳng do bất đồng trong việc bán nhà và anh Kh có sự phân biệt con trai, con gái. Do áp lực, mâu thuẫn căng thẳng và bố mẹ chồng cũng đề nghị gia đình chị ra ở chỗ khác nên ngày 24 tháng 6 năm 2021 ba mẹ con chị đã thuê nhà ra ở riêng, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Chị H nhất trí ly hôn anh Kh.

- Về con chung:Vợ chồng thống nhất có 02 con chung là cháu Trần Khánh L (con gái), sinh ngày 02 tháng 3 năm 2002 và cháu Trần Đức H (con trai), sinh ngày 03 tháng 5 năm 2007. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay cả hai con chung ở với chị H. Nếu ly hôn, anh Kh không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với cháu L vì cháu đã trên 18 tuổi, còn cháu H thì anh xin nuôi và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con; chị H xin nuôi cả hai con chung và yêu cầu anh Kh phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 3.000.000đ/01 cháu. Con nuôi, con riêng: vợ chồng thống nhất không có. Hiện nay chị H không có thai nghén gì.

- Về tài sản: Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 12, diện tích 62,8m^2 đất ở**,** đã được UBND thị xã Phủ Lý (Nay là UBND thành phố Phủ Lý), tỉnh Hà Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 202017 ngày 03/7/2006 mang tên hộ

ông Trần Đăng Kh và bà Nguyễn Thị Thu H; địa chỉ: Số nhà 115, đường Lê Công Thanh, tổ 7, phường Hai Bà Trưng, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam và tài sản trên thửa đất trên là 01 căn nhà mái bằng 02 tầng 01 tum.

+ Ý kiến của anh Trần Đăng Kh cho rằng: Thửa đất này là tài sản của riêng anh. Vì thửa đất này do mẹ anh làm đơn xin mua đất, sau đó anh trúng đấu giá, số tiền trúng đấu giá thửa đất này là 217.000.000đ do bố mẹ anh cho riêng anh để nộp vì lúc đó vợ chồng anh mới lấy nhau không có gì. Còn căn nhà trên đất do anh xây cuối năm 2004 hết khoảng 250.000.000đ, nguồn tiền xây nhà do bố mẹ đẻ anh cho riêng anh để xây vì vợ chồng anh không có tiền. Nay anh đề nghị Tòa án xác định thửa đất và căn nhà này là tài sản riêng của anh.

+ Ý kiến của chị Nguyễn Thị Thu H: Thửa đất và căn nhà trên là tài sản chung của vợ chồng được hình thành trong thời kỳ hôn nhân, thửa đất này đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hai vợ chồng chị, từ khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến nay anh Kh hay bố mẹ chồng cũng không có ý kiến khiếu nại gì về việc này. Nguồn tiền mua đất phần lớn do bố mẹ anh Kh cho chung vợ chồng chị, phần còn lại là của vợ chồng chị. Nguồn tiền xây nhà chủ yếu là của vợ chồng chị, phần còn lại do bố mẹ chồng cho chung vợ chồng, do bố mẹ đẻ chị cùng anh em cho vay và vay Ngân hàng nH đến nay đã trả nợ hết nên những người này không liên quan đến vụ án, chị đề nghị Tòa án không bổ sung những người này tham gia tố tụng trong vụ án. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Nếu vợ chồng thỏa thuận được thì hai vợ chồng tặng cho chung cả hai con chung, vợ chồng sẽ không còn liên quan gì đến thửa đất này nữa. Nếu anh Kh không đồng ý, do chị đang nuôi cả hai con mà 03 mẹ con chị lại đang phải đi thuê nhà nên để đảm bảo việc nuôi con ổn định, chị đề nghị giao cho chị sử dụng bằng hiện vật là nhà đất và chị sẽ thanh toán cho anh Kh chênh lệch tài sản như giá trị mà Hội đồng định giá đã định giá.

- Tài sản chung là đồ dùng gia dụng trong gia đình: Anh Kh và chị H cùng thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Anh Kh và chị H cùng thống nhất không nợ ai và không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ý kiến của ông Trần Văn T và bà Vũ Thị B như sau: Ông bà là bố mẹ đẻ của anh Kh, là bố mẹ chồng của chị H. Quá trình chung sống ông bà thấy vợ chồng anh Kh, chị H chỉ yên ổn được mấy năm đầu, từ năm 2003 thì thường xuyên mâu thuẫn lục đục và mâu thuẫn nặng nề nhất từ năm 2013. Do tính cách, lối sống mỗi người ngày càng quá khác biệt, bất chấp dư luận xã hội phê phán mặc dù gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên can hòa giải nH mâu thuẫn vợ chồng anh chị không giảm mà ngày càng trầm trọng, không còn tình nghĩa vợ

chồng. Nay ông bà đề nghị:

- Về nhà đất ở số 115 đường Lê Công Thanh, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Do gia đình ông bà đông người (04 thế hệ) nên vợ chồng ông bà đã thống nhất xin đấu thầu lô đất số 49, tờ bản đồ số 12 năm 2001. Người làm đơn xin đấu thầu và ký là bà B. Vì vợ chồng anh Kh, chị H mới kết hôn chưa có điều kiện kinh tế nên vợ chồng ông bà đã cho anh Kh 217.000.000đ tiền đấu thầu đất và đến năm 2004 vợ chồng ông bà cho anh Kh 250.000.000đ để xây dựng nhà số 115 đường Lê Công Thanh.

Ngày 19 tháng 01 năm 2022, Hội đồng định giá tài sản thành phố Phủ Lý đã tiến hành định giá lại tài sản đang có tranh chấp giữa anh Kh và chị H theo đơn yêu cầu định giá lại của chị H.

- Về đất: Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 12, diện tích 62,8m^2 đất ở**,** đã được UBND thị xã Phủ Lý (Nay là UBND thành phố Phủ Lý), tỉnh Hà Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 202017 ngày 03/7/2006 mang tên hộ ông Trần Đăng Kh và bà Nguyễn Thị Thu H; địa chỉ: Số nhà 115, đường Lê Công Thanh, tổ 7, phường Hai Bà Trưng, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, có giá trị là: 5.024.000.000đ.

- Tài sản trên đất: 01 căn nhà mái bằng 02 tầng 01 tum, bê tông cốt thép, tường xây gạch đỏ, cửa gỗ, nền lát gạch hoa liên doanh, điện nước đi chìm, công trình phụ khép kín, xây năm 2004, có giá trị: 616.709.000đ.

Tổng giá trị đất và tài sản trên đất là: 5.640.709.000đ.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2022/HNGĐ - ST ngày 23 - 3 - 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý quyết định:

- Áp dụng: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 147; Điều 157; Điều 165; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 28; 29; 33; 35; 51;54; 55; 57; 58; 59; 62; 81; 82; 83, 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trần Đăng Kh và chị Nguyễn Thị Thu H.

[2] Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị Thu H được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của vợ chồng là cháu Trần Đức H (con trai), sinh ngày 03/5/2007. Anh Trần Đăng Kh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu

H cùng chị Nguyễn Thị Thu H mỗi tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng), kể từ tháng 03/2022 cho đến khi cháu H trưởng thành đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom , chăm sóc , nuôi dưỡng, giáo dục con.

[3] Về tài sản:

a. Công nhận tài sản chung của anh Trần Đăng Kh và chị Nguyễn Thị Thu H gồm có:

- Quyền sử dụng thửa đất số 49, tờ bản đồ số 12, diện tích 62,8m2 đất ở, đã được UBND thị xã Phủ Lý (Nay là UBND thành phố Phủ Lý), tỉnh Hà Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 202017 ngày 03/7/2006 mang tên hộ ông Trần Đăng Kh và bà Nguyễn Thị Thu H; địa chỉ: Số 115, đường Lê Công Thanh, tổ 7, phường Hai Bà Trưng, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, có giá trị là: 5.024.000.000đ.

- Quyền sở hữu đối với tài sản trên thửa đất trên gồm có: 01 căn nhà mái bằng 02 tầng 01 tum, bê tông cốt thép, tường xây gạch đỏ, cửa gỗ, nền lát gạch hoa liên doanh, điện nước đi chìm, công trình phụ khép kín, xây năm 2004, có giá trị: 616.709.000đ.

Tổng giá trị tài sản chung là: 5.640.709.000đ (Năm tỷ sáu trăm bốn mươi triệu bảy trăm L chín nghìn đồng).

b. Về phân chia tài sản chung:

Phân chia cho anh Kh được hưởng 70% giá trị tài chung là 3.948.496.300đ (Ba tỷ chín trăm bốn mươi tám triệu bốn trăm chín mươi sáu nghìn ba trăm đồng).

Phân chia cho chị H được hưởng 30% giá trị tài sản chung là 1.692.212.700đ (Một tỷ sáu trăm chín mươi hai triệu hai trăm mười hai nghìn bảy trăm đồng).

Giao anh Trần Đăng Kh được toàn quyền sở hữu, sử dụng những tài sản sau:

- Quyền sử dụng thửa đất số 49, tờ bản đồ số 12, diện tích 62,8m2 đất ở, đã được UBND thị xã Phủ Lý (Nay là UBND thành phố Phủ Lý), tỉnh Hà Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 202017 ngày 03/7/2006 mang tên hộ ông Trần Đăng Kh và bà Nguyễn Thị Thu H; địa chỉ: Số115, đường Lê Công Thanh, tổ 7, phường Hai Bà Trưng, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, có

giá trị là: 5.024.000.000đ.

- Quyền sở hữu đối với tài sản trên thửa đất trên gồm có: 01 căn nhà mái bằng 02 tầng 01 tum, bê tông cốt thép, tường xây gạch đỏ, cửa gỗ, nền lát gạch hoa liên doanh, điện nước đi chìm, công trình phụ khép kín, xây năm 2004, có giá trị: 616.709.000đ.

Tổng giá trị tài sản chung mà anh Kh được chia là: 5.640.709.000đ (Năm tỷ sáu trăm bốn mươi triệu bảy trăm L chín nghìn đồng).

Anh Trần Đăng Kh có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch 30% giá trị tài sản cho chị Nguyễn Thị Thu H là: 1.692.212.700đ (Một tỷ sáu trăm chín mươi hai triệu hai trăm mười hai nghìn bảy trăm đồng).

Chị Nguyễn Thị Thu H được nhận chênh lệch 30% giá trị tài sản từ anh Trần Đăng Kh là: 1.692.212.700đ (Một tỷ sáu trăm chín mươi hai triệu hai trăm mười hai nghìn bảy trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hànhđối với khoản tiền trên, nếu bên phải thi hành chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

d. Về tài sản chung là đồ dùng, gia dụng trong gia đình: Anh Kh và chị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về công nợ chung: Anh Kh và chị H thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Tổng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 8.000.000đ (tám triệu đồng). Anh Kh phải chịu 5.600.000đ (Năm triệu sáu trăm nghìn đồng), chị H phải chịu 2.400.000đ (Hai triệu bốn trăm nghìn đồng). Nay anh Kh phải trả lại cho chị H là: 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng).

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 04/4/2022, bị đơn chị Nguyễn Thị Thu H kháng cáo Bản án sơ thẩm số 08/2022/HNGĐ-ST ngày 23-3-2022 của TAND thành phố Phủ Lý với nội dung: Kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá quá thấp so với giá sàn; cấp sơ thẩm phân chia cho anh Kh hưởng 70% giá trị tài sản chung, chị H hưởng 30% giá trị tài sản chung là không đúng quy định của pháp luật. Đề nghị giao cho chị H quản lý, sử dụng thửa đất số 49, tờ bản đồ số 12, diện tích 62,8m^2 và tài sản trên đất, chị H đồng ý trả cho anh Kh số tiền 5.640.709.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Chị Nguyễn Thị Thu H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; thừa nhận thửa đất số 49, tờ bản đồ số 12, diện tích 62,8m^2 đất ở có nguồn gốc của gia đình chồng cho chung vợ chồng trong thời kì hôn nhân nên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên vợ chồng. Cấp sơ thẩm đã nhiều lần định giá nH giá trị quyền sử dụng đất thấp hơn giá thị trường. Năm 2004, vợ chồng chị kiến thiết xây dựng nhà trên đất, nguồn gốc số tiền làm nhà là do sau khi kết hôn vợ chồng chị tích cóp được khoảng 150 triệu đồng, bố mẹ chồng cho khoảng 70 triệu đồng, vợ chồng chị vay thêm ngân hàng khoảng 90 triệu đồng, vay của anh trai (không nhớ vay anh trai của chị bao nhiêu tiền), vợ chồng chị đã xây nhà trên đất hết khoảng 250 triệu đến 300 triệu đồng. Ngoài ra, chị H xác nhận cả anh Kh và chị H đều nuôi cháu Trần Khánh L đang học đại học, cháu L hiện ở chung nhà với em trai anh Kh.

Hiện nay, chị H thu nhập khoảng 11 triệu đồng/tháng, trừ chi phí thuê nhà 3.000.000đ, chi dùng sinh hoạt, nuôi con ăn học nên chị có điều kiện hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Vì vậy, đề nghị được quyền sử dụng thửa đất số 49, tờ bản đồ số 12, diện tích 62,8m^2 đất ở và toàn bộ tài sản công trình vật kiến trúc trên đất, chị H đồng ý thanh toán cho anh Kh 5.640.709.000đ. Tuy nhiên do hiện nay chị có khó khăn về kinh tế nên chưa có điều kiện thanh toán số tiền nêu trên cho anh Kh. Nếu anh Kh nhận quyền sử dụng đất, tài sản trên đất thì anh Kh phải thanh toán cho chị H 04 tỷ đồng.

- Anh Trần Đăng Kh có ý kiến như sau: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của chị H. Vì thửa đất số 49, tờ bản đồ số 12, diện tích 62,8m^2 đất ở là do mẹ anh (bà B làm đơn xin đất), sau đó anh Kh trúng đấu giá quyền sử dụng thửa đất này là 217.000.000đ, bố mẹ anh cho riêng anh 217.000.000đ để nộp tiền sử dụng đất; cuối năm 2004 anh xây nhà hết khoảng 250.000.000đ, toàn bộ tiền làm nhà là do bố mẹ đẻ anh cho riêng anh Kh để xây dựng nhà vì khi đó vợ chồng anh là công chức nhà nước, lương thấp không có tiền để nộp tiền đất và làm nhà. Chị H cho rằng việc định giá quyền sử dụng đất thấp so với giá thị trường là không đúng, vì cấp sơ thẩm đã nhiều lần định giá tài sản; Tại phiên tòa phúc thẩm chị H đề nghị giao cho chị sử dụng nhà đất và thanh toán cho anh 5.640.709.000đ, anh không nhất trí và từ chối nhận phần chênh lệch giá trị tài sản chị H thanh toán. Hiện nay, bố mẹ anh tuổi cao sức yếu phải bán nhà lấy tiền chữa bệnh nên về ở chung với anh Kh, do không còn chỗ ở nào khác nên anh đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị H: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị H, vì chị H đang nuôi con và không có chỗ ở nào khác.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam:

Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn chị Nguyễn Thị Thu H trong thời hạn luật định và đúng trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền xét xử của cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đối với yêu cầu kháng cáo của chị H, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ

khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thu H, giao nhà, đất cho chị H sử dụng và chị H có trách nhiệm thanh toán cho anh Kh 5.640.709.000đ. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 08/2022/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam về phần tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo chị Nguyễn Thị Thu H ngày 04 tháng 04 năm 2022 trong thời hạn luật định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thu H.

Về kết quả định giá tài sản: Ngày 16/12/2021, Hội đồng định giá tài sản thành phố Phủ Lý đã tiến hành định giá tài sản. Tuy nhiên do chị H không nhất trí với kết quả định giá tài sản và có đơn đề nghị định giá lại tài sản nên ngày 19 tháng 01 năm 2022, Hội đồng định giá tài sản của thành phố Phủ Lý đã tiến hành định giá lại tài sản. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị H không yêu cầu định giá lại. Do đó, kết quả định giá lại tài sản của Hội đồng định giá tài sản thành phố Phủ Lý đưa ra ngày 19 tháng 01 năm 2022 được Hội đồng xét xử Phúc thẩm chấp nhận làm căn cứ giải quyết vụ án.

Xét yêu cầu của chị H đề nghị giao cho chị được sử dụng thửa đất số 49, tờ bản đồ số 12, diện tích 62,8m^2 đất ở và tài sản trên thửa đất trên xây dựng năm 2004, tổng giá trị đất và tài sản trên đất là: 5.640.709.000đ. Căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quá trình kiến thiết tài sản trên đất cấp sơ thẩm xác định quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản trên đất là sản chung của vợ chồng là phù hợp.

Tuy nhiên, vợ chồng anh Kh lấy nhau năm 2000 thu nhập thấp, tháng 05 năm 2001 bà Vũ Thị B làm đơn xin mua đất làm nhà ở và được chính quyền địa phương phê duyệt *"tạo điều kiện để chị B mua đất làm nhà ở"* (Bút lục số 08), năm 2003 anh Kh trúng đấu giá quyền sử dụng đất; ý kiến của chị H tại bút lục 37 như sau: *"Nguồn gốc thửa đất này là của bố mẹ chồng cho chung vợ chồng. Tiền đất là ông bà cho"*, ý kiến này của chị H phù hợp với ý kiến của anh Kh, bà Vũ Thị B là chứng cứ không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Như vậy, nguồn gốc hình thành tài sản chung vợ chồng (quyền sử dụng đất) là do gia đình ông T, bà B tạo lập là có căn cứ. Ý kiến chị H tại phiên tòa phúc thẩm cho rằng chị thu nhập 5.000.000 đồng/tháng tại thời điểm giai đoạn năm 2000 - 2005, tích cóp của vợ chồng 150 triệu đồng là không phù hợp so với mức thu nhập của cán bộ công chức tại thời điểm đó; vợ chồng chị vay ngân hàng, vay anh trai chị H để làm nhà là mâu thuẫn, không có số liệu cụ thể, anh Kh không thừa nhận ý kiến này của chị H nên không có căn cứ chấp nhận; Bà Vũ Thị B xác nhận tiền làm nhà trên đất là bà cho anh Kh, ý kiến này

phù hợp với ý kiến của anh Kh nên nguồn gốc hình thành tài sản trên đất do bố mẹ anh Kh đóng góp công sức là có căn cứ. Xét thấy nguồn gốc giá trị sinh lợi của quyền sử dụng đất là do gia đình anh Kh tạo lập, cấp sơ thẩm giao cho anh Kh được quyền sử dụng thửa đất và sở hữu căn nhà trên đất và chia cho anh Kh được hưởng 70% giá trị (là 3.948.496.300đ), chị H được hưởng 30% giá trị (là 1.692.212.700đ) là phù hợp với quy định tại khoản 02, 03 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị H thừa nhận thu nhập thấp nên chưa có khả năng thi hành án, chi trả số tiền 5.640.709.000đ cho anh Kh; mặt khác anh Kh từ chối nhận giá trị tài sản chênh lệch chị H thanh toán. Vì vậy Hội đồng xét xử không ghi nhận sự tự nguyện của đương sự như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thu H, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm về phần tài sản.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm có hiệu lực kể từ khi hết kháng cáo, kháng nghị.

Án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của chị H không được chấp nhận nên chị H phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 293, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của chị H. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 08/2022/HNGĐ-ST ngày 23-3-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý về phần tài sản.

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 147; Điều 157; Điều 165; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 28; 29; 33; 35; 51;54; 55; 57; 58; 59; 62; 81; 82; 83, 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về phân chia tài sản chung:

Giao cho anh Trần Đăng Kh được tiếp tục sử dụng đất và sở hữu toàn bộ tài sản trên đất tại thửa đất số 49, tờ bản đồ số 12, diện tích 62,8m^2 đất ở, địa chỉ: Số 115, đường Lê Công Thanh, tổ 7, phường Hai Bà Trưng, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, giá trị là: 5.024.000.000đ. Và sở hữu toàn bộ tài sản trên thửa đất trên gồm có: 01 căn nhà mái bằng 02 tầng 01 tum trị giá: 616.709.000đ. Tổng giá trị tài sản là: 5.640.709.000đ (Năm tỷ sáu trăm bốn mươi triệu, bẩy trăm L chín nghìn đồng).

Chia anh Trần Đăng Kh được sở hữu 70% giá trị tài sản chung là 3.948.496.000đ (Ba tỷ chín trăm bốn mươi tám triệu, bốn trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

Buộc anh Trần Đăng Kh phải thanh toán chênh lệch 30% giá trị tài sản cho chị Nguyễn Thị Thu H là: 1.692.212.000đ (Một tỷ sáu trăm chín mươi hai triệu hai trăm mười hai nghìn đồng).

Chị Nguyễn Thị Thu H sở hữu số tiền anh Trần Đăng Kh thanh toán chênh lệch giá trị tài sản là:1.692.212.000đ (Một tỷ sáu trăm chín mươi hai triệu, hai trăm mười hai nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành đối với khoản tiền trên, nếu bên phải thi hành chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Án phí phúc thẩm: Buộc chị H phải nộp án phí phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- TAND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THADS thành phố Phủ Lý;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Trưởng